TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 12 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Ông Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 417/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Bá L, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Bùi Bé N, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Bá L và chị Bùi Bé N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; đã được gia đình hòa giải, hàn gắn nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống các đương sự có 01 người con chung tên Lê Xu K, sinh ngày 16/11/2016 do anh, chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận giao Xu Ka cho chị N nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ và các vấn đề khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Bá L và chị Bùi Bé N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị N chung sống với nhau vào năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn; Khi về chung sống các đương sự phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải, hàn gắn nhưng không khắc phục được nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thỏa thuận giao Lê Xu K cho chị N nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con giữa các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, về các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Bá L và chị Bùi Bé N.

2. Về con chung: Giao Lê Xu K, sinh ngày 16/11/2016 cho chị N nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011662 ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh L đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn